



LEGEND - CHU-TU. MAP INFORMATION AS OF 1965. BẢNG THÔNG TIN BẢN ĐỒ. Includes symbols for roads, rivers, contour lines, and other features with their corresponding Vietnamese and English labels.

Scale 1:50,000. Tỷ lệ 1:50,000. Includes graphical scales in meters, yards, and statute miles.

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS. SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS. KHÔNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT. CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG 10 MÉT.

SPHEROID: EVEREST. GRID: 1,000 METER UTM-ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES). PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR. VERTICAL DATUM: MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN. HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960.

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE. RANH GIỚI HÀNH CHÁNH TRÊN BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC HOẠ VỚI TÍNH CÁCH ĐẠI-CƯƠNG.

GLOSSARY - CỘ-TỰ. D. stream. Dak. stream. Kon. village. Ngoc. mountain. Poiel. village.

ELEVATION GUIDE. CHỈ DẪN CAO ĐỘ. Includes a diagram showing elevation contours and their corresponding colors.

BOUNDARIES. HƯỚNG ĐỊA GIỚI. Includes a diagram showing different types of boundaries and their symbols.

ADJOINING SHEETS. BẢNG KẸP ĐỀ. Includes a grid showing the sheet numbers of adjacent maps.

GRID ZONE DESIGNATION. Includes information about the UTM grid system and how to use it.

VIETNAMESE, ENGLISH, and COMPARABLE U.S. UNIT. Includes a table of units and a grid for reference.